

Phẩm 7: QUẢNG THỌ

Khi ấy, Bồ-tát Tối Thắng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát A-tỳ-bà-đế ở tron trụ Địa thứ bảy nên làm thanh tịnh hạnh mình như thế nào?

Phật bảo Tối Thắng:

–Này Tối Thắng! Bồ-tát ở trong trụ Địa thứ bảy thường hành bố thí nhưng không mong cầu quả báo, lìa bỏ sự chấp trước, không thấy có ngã, tuy độ chúng sinh nhưng không thấy có độ, cũng lại không thấy ngã, nhân, thọ, mạng, đoạn diệt mười tám gốc chấp thường, giữ tánh các nhập lìa xa tướng các suy nhập điên đảo, cũng không mong cầu sinh trong ba cõi, thường muốn thân cận nương tựa các pháp Phật, niệm giới, niệm thiên, niệm thí, niệm Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng lại không thấy có người nhập đạo. Tuy biết có chứng vô tướng không, nhưng không nhập vào cảnh giới ấy. Thanh tịnh thân, khẩu, ý, vượt qua vô nguyện, thương xót tất cả loài chúng sinh, bình đẳng như nhau, xem các pháp bình đẳng vô chủ, không, cũng không có chỗ nhập. Vì muốn làm bậc dẫn đường nên không cống cao, nhẫn chịu tất cả quả báo ứng, chỉ dạy một đường, không nương danh sắc, lìa xa tà nghiệp, không nhiễm đắm trước, tướng mong cầu diệt nên không luân hồi, tự điều ý mình, tuệ không chướng ngại, thoát khỏi ba đường không nhiễm khát dục. Bồ-tát giảng dạy đúng thời, ra vào tới lui không mất oai nghi, tất cả ý vọng tướng tham cầu mãi mãi không sinh, thẩm xét rõ ràng các sự thọ thủ, giải bày công việc không có mê lầm, cũng không có tâm so sánh hơn thua, thường nên tư duy pháp tịch nhiên, pháp tịch nhiên ấy gọi là pháp không thoái chuyển. Người như vậy được chư Phật khen ngợi, trao cho danh hiệu tuệ vô sinh. Vì sao? Vì vô tâm đối với tất cả pháp, người vô tâm như vậy thì vô sinh, vô sinh chính là chỗ kiên cố không thoái chuyển. Tâm của Bồ-tát mới phát vững chãi, thường phải thủ hộ tâm thế nguyện lớn, giống như kim cương không gì phá được. Bồ-tát ở trong vô lượng hiểm họa sinh tử, thí tất cả sở hữu không mong cầu, bình đẳng đối xử tất cả chúng sinh, nguyện độ hết thảy chúng sinh, dùng pháp vô vi của Phật cứu độ họ, tuy độ chúng sinh nhưng không có ai được độ. Đạt đến vô vi là hiểu rõ tất cả pháp không có sinh, phân biệt thông suốt tất cả các pháp, thường hành tinh tấn không cho sai sót, thâm nhập tuệ ấy thấu triệt tất cả, rõ hạnh Sa-môn, đủ Nhất thiết trí, các sự ái nhiễm không còn tăng giảm, dứt các vọng kiến, không còn tham tiếc, được không thoái chuyển. Tuy ở ba cõi mà không khởi tướng chấp trước. Nếu khởi tướng chấp trước thì sinh ở biên địa. Người ở biên địa chấp ngã, ngã sở, dựa vào việc làm của mình mong cho tất cả được phước trợ giúp. Người ví như vậy liền bị ba chướng ngại: ngã, nhân, tướng, thí; bị lưu chuyển sinh tử, thế tục trôi buộc, không bao giờ được đạo vượt đời. Tối Thắng nên biết. nếu khi bố thí, Bồ-tát này không chấp ngã, ngã sở, không thấy có người thọ nhận thì không có chấp thủ. Giả sử có bố thí thì không được mong cầu quả báo ứng. Bồ-tát bố thí trợ giúp tất cả với tâm cầu đạo Vô thượng chân chánh ba đời bình đẳng không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Thấu rõ Pháp thân không ở sinh tử, không trụ Niết-bàn. Giáo hóa tất cả đều không có chỗ trụ, tâm tánh nhu hòa thương xót chúng sinh hiểm nạn, cứu độ tất cả chúng sinh với tâm bình đẳng, gần gũi học hỏi bậc Thiện tri thức, tâm cầu kinh điển để dứt các nghi, luôn nhớ xả bỏ không ham gia nghiệp, thấu rõ các tướng, thông đạt vô hình, quán sát các pháp, hiểu rõ chân chánh các pháp không từ đâu sinh, giải bày một phẩm, trừ sạch các niệm, dứt các loạn tướng, xả các tà kiến, trừ bỏ trần lao, tịch nhiên thẩm xét, tâm ý điều hòa,

không gây làm hại cũng không nhiễm ô. Nếu ai đạt đến chỗ này thì được gọi là không thoái chuyển. Với sự nhất tâm, Bồ-tát hòa nhập quần chúng, dùng thần thông thị hiện giáo hóa. Hiểu các cõi Phật là không, không có sở hữu, sớm đạt đến chỗ rốt ráo. Hiểu rõ đầy đủ căn tánh chúng sinh, Bồ-tát tùy theo đó mà thị hiện giáo hóa. Tối Thắng nên biết, Bồ-tát trụ Địa thứ bảy tinh tấn dũng mãnh, Tam-muội như huyễn thường hiện trước mặt, tùy theo tâm ý của chúng sinh mà đến độ thoát họ, hoặc vào năm cõi mà cứu độ họ, không bỏ bản nguyện. Theo thệ nguyện ấy thường được thành tựu các loại thức. Với tài hùng biện, ngôn ngữ diễn đạt, âm thanh rõ ràng, Bồ-tát nói pháp, trước phải biết rõ mạng căn và chỗ hướng đến. Muốn thành tựu đạo, ngôi nơi cõi Bồ-đề thì phải đầy đủ công đức, đạo tràng trang nghiêm, thông các pháp Phật. Bồ-tát thường nên tư duy sự thoái chuyển và không thoái chuyển, thành tựu các pháp quán cực vi diệu, thấu rõ biên địa ấy không có xứ sở, không có tận cùng cũng không có sinh. Bồ-tát tư duy trí nhẫn bất thoái, biết rõ các pháp tụ tán vững chãi, trí nhẫn bất thoái vĩnh viễn diệt độ. Tuy ở chỗ phóng dật nhưng biết rõ các pháp nên trí nhẫn bất thoái không dong ruổi. Lại đối với các pháp, hiểu rõ chỗ khởi và không khởi của năm ấm. Nhẫn bất thoái là hiểu rõ các pháp không có âm vang, nghĩa là không có tiếng dội trở lại. Bất thoái trí là ở nơi các pháp đầy đủ các sự tốt đẹp, sáu Độ vô cực đầy khắp cả hư không mà không khuyết giảm. Bất thoái nhẫn là tuy các pháp không đến không đi nhưng trong các oai nghi đi đứng nằm ngồi không lúc nào là không ứng hiện. Bất thoái trí là pháp tánh thường trụ, trụ chỗ vô trụ, không có xứ sở. Bất thoái nhẫn là đối với các pháp không có tự tôn, tự ti, không cao, không thấp. Bất thoái trí là đối với các pháp, xả ly đoạn diệt, chấp có tâm thường. Bất thoái nhẫn là do các khổ mà sinh lo sợ, nên biết tất cả đều không, không có xứ sở. Bất thoái trí là đối với các pháp, bỏ các sự che đậy, trùm khắp như hư không, xả trừ sáu việc. Bất thoái nhẫn là đối với các pháp, tiêu trừ trần cấu, không nhớ không quên. Bất thoái trí là đối với các pháp, không chỗ nào không ứng hiện, cũng không hợp không tan, tuy ở nơi các pháp nhưng đoạn trừ trần lao không còn dư sót. Bất thoái nhẫn là nhờ theo tuệ ấy, hành mà không hành, không biết gì cả nhưng không có gì mà không biết, không nghĩ, không thấy. Bất thoái trí là các pháp không động, không ai có thể làm cho dao động, tịch nhiên rỗng lặng, không có niệm tưởng. Bất thoái nhẫn là các pháp hoại diệt không có thoái chuyển, đều đã diệt sạch không thể sinh lại. Bất thoái trí là đối với tất cả pháp, không trụ trước sau, tự tánh như hư không. Bất thoái nhẫn là tất cả các pháp đều ở chỗ tu hành ẩn tịch mặc, không chướng ngại cũng không hoạn nạn. Bất thoái trí là trụ tánh pháp giới, thường tùy theo thời hiển bày các pháp. Bất thoái nhẫn là tất cả các pháp đều tịch không niệm, không xả, không đắm, không nhiễm. Bất thoái trí là nương theo các pháp vượt qua bờ giác, không thấy đây-kia, có độ hay không độ. Bất thoái nhẫn là không niệm các nhập ưu, não, sinh, già, bệnh, chết của các pháp. Bất thoái nhẫn là thâm giữ các pháp mà không thủ đắc, được pháp lục độ, ý chí thâm diệu. Bất thoái nhẫn là lìa các cấu bấn chấp vào các pháp, sạch sẽ không nhớ. Bất thoái nhẫn là đối với tất cả pháp tu hành bình đẳng, cũng không thoái chuyển. Bất thoái nhẫn là không thấy sự tạo tác về chủng tánh các pháp, biết rõ là một. Bất thoái trí là đối với tất cả các pháp, không có mong cầu cũng không buồn lo. Bất thoái nhẫn là do các pháp cùng nhau phát khởi, tuy không dừng nghỉ giữa đường, nhưng biến nhắc nên đọa vào nơi biên địa. Bất thoái trí là hiểu rõ bản vô, không tiến không thoái. Bất thoái nhẫn là đoạn trừ chỗ vang vọng của các pháp, thấy đều như hư không, không có tướng mạo, không xả bản vô, pháp tánh vốn tự như vậy. Bất thoái trí là đối với tất cả pháp, không có chướng

ngại, không đến không đi, không buộc, không thoát cũng không có sinh. Bất thoái nhãn là trừ các ác như bản, hạnh được thanh tịnh. Bất thoái trí là giảng bày các pháp, tâm định trí phát, hàng phục ác ma, cởi bỏ trói buộc, tâm đạo hưng thịnh. Bất thoái nhãn là độ sạch hết thủy nhân duyên ân ái và kẻ khinh mạn các pháp. Bất thoái trí là lìa danh ác của tất cả pháp, danh bản vô úy, không được cũng không mất. Bất thoái nhãn là khiến tất cả pháp không buông không giữ, không chết cũng không sinh. Bất thoái trí bỏ tâm tham đắm, rốt ráo trọn vẹn không có tăng giảm. Bất thoái trí là làm pháp căn bản, sinh ra trong ba cõi một mình thù thắng. Bất thoái nhãn là tư duy gốc khổ, truy tầm biết rõ nó từ đâu sinh. Bất thoái trí là phân biệt nhân duyên ý thức của căn môn. Bất thoái nhãn là Bồ-tát trọn không làm trái với thệ nguyện của mình. Bất thoái trí là thường sẽ hóa sinh, không vì thân này mà thọ thai phần. Bất thoái nhãn là tư duy các loại hưng suy của ấm nhập. Bất thoái trí là biết rõ trong thân, khởi quán bất tịnh từ đầu đến chân không có gì đáng tham đắm.

–Này Tối Thắng! Bồ-tát thường nên tư duy phân biệt biết rõ, người mới khởi học tâm Bồ-tát phải dùng bất thoái nhãn để quán sát thất bản, không có sinh diệt, nắm giữ, đoạn trừ. Lại nên tư duy bát bản của Hiền thánh thủy đều không thấy có sinh diệt, thủ xả. Này Tối Thắng! Giả sử tùy theo tâm lượng mà thọ sinh, hoặc sinh cõi Sắc, năm Địa, mười Địa, sáu Địa, bốn Địa, ba Địa, hai Địa, một Địa, người ở ngôi vị thấp nhất cũng nên tư duy đầy đủ thất bản. Trong cõi Vô sắc lại có mười một, người biết rõ không tịch, không thoái chuyển có thể thành tựu Khổ nhãn, Khổ trí, Tập, Tận, Đạo nhãn và trí Hiền thánh, cũng sẽ biết rõ tám huyền thông nhãn, trừ năm mươi hai lậu vô minh. Bồ-tát trụ Địa thứ bảy thường nương vào Sơ thiền, hành sáu thánh trí, tu Tam-muội, và ba duyên phạm đường nơi hỷ căn. Nếu dựa vào trung thiền mà không thủ chứng thì nên tu bảy trí không giác có quán, tâm hành thủ hộ Không, Vô tướng, Vô nguyện. Giả sử Bồ-tát niệm tam y hiền, biết rõ mười tuệ, không niệm giác quán Không, Vô tướng, Vô nguyện, an lạc tự vui. Khi ấy, Bồ-tát ở trong tư thiền lại nên biết rõ mười sáu thánh trí, cũng không có giác quán, hành ba phạm đường gìn giữ ý mình không cho tán mất, có thể nhập vào bảo tạng của Bồ-tát, hành theo trí nhãn, hiểu rõ không còn ung nhọt, không bị năm mươi hai lậu trói buộc, biết rõ các pháp, phát khởi theo thứ lớp, sớm được pháp Thánh tuệ không thoái chuyển. Nếu Bồ-tát tu mười sáu trí thù thắng thì không còn hoài nghi, tà kiến, dứt trừ tất cả các trói buộc, tâm ấy kiên cố không khiếm nhược, ý chí vững chãi không hôn mê, đạo nơi ba cõi không có chướng nạn, chí như kim cương không gì phá được, tâm thường hõ thẹn, ý hay chiếu soi thông đạt tất cả, trí như ánh sáng chiếu diệu khắp nơi, ngôn từ biện tài thông suốt vô ngại, sớm được Tổng trì chưa từng thất niệm, được hạnh quyết định không còn trầm mê, ở bất cứ đâu cũng hành nghiệp Phật, làm việc bình đẳng, tâm không tăng giảm, nói lời nhu hòa không hại một ai, tánh không thô tháo, thẩm xét an tường, biết rõ căn cơ người rồi mới nói pháp, biết rõ năm ấm, thấu triệt các nhập, hiểu các pháp một cách đầy đủ, thấy rõ nhân duyên báo ứng của ba đời, biết tâm niệm của người mà ví họ nói về quả báo thiện ác, xứ, phi xứ, tâm tuệ sâu xa không có bờ mé, hiểu các phương tiện tùy thời giáo hóa, biết thời đi đứng ra vào tới lui, biết việc nên làm hay không nên làm, uy nghi an tường không mất tư cách, ở nơi đâu cũng hưng phát tâm đạo Vô thượng Chánh chân.

Như vậy Tối Thắng, Bồ-tát ở bất cứ nơi đâu cũng nói pháp độ người khiến đắc thành đạo quả, thoát khỏi các nạn, được an ổn vĩnh viễn, không sinh vào tám chỗ không an vui, đến cõi nước nào cũng được tự tại, nghe giảng pháp yếu liền được độ thoát, thọ

trì phụng hành những lời dạy ấy, liền đạt được pháp không thoái chuyển, hiểu rõ tuệ không không từ đâu sinh, liền thành đạo Vô thượng Chánh chân. Bồ-tát thường nên dùng phương tiện quyền xảo, nhưng không được nghĩ rằng, ta nay đã hàng phục sắc, tướng không còn bản ngã mong cầu, không sinh tâm nhỏ cũng không thủ chứng. Đó gọi là Bồ-tát không còn thoái chuyển, biết rõ pháp mười hai nhân duyên, do vô minh mà có sinh tử. Tìm hiểu chỗ sinh ấy thì không thể thấy, cũng không thể quán, cũng chẳng có tướng, cũng chẳng phải không có tướng, chẳng phải chẳng có tướng, chẳng phải chẳng vô tướng, thông đạt gốc nhân duyên ấy, không thấy việc làm có chánh hay không chân chánh và thượng trung hạ cũng lại không thấy có tội phước báo ứng hay việc làm hạnh bất thiện, hiểu rõ các pháp đều không có sinh, tu gốc các pháp không thấy hợp tan, đó gọi là nhân duyên sinh khởi. Nếu không có duyên thì không có ưu hoạn. Nếu không ưu hoạn tức là vô minh, hành diệt thì sinh, già, ưu, bi, khổ não diệt. Đó là người thông đạt pháp mười hai nhân duyên. Tất cả tên gọi các pháp đều có nhân, do nhân duyên hợp tan nên chẳng có ngã hay vô ngã, chẳng có người hay không người, cũng lại không thấy có ngã nhân thọ mạng, sinh, già, vô thường, chẳng thấy có nhập và sở nhập, biết rõ thức nhập đều không có chỗ nhập. Người thâm nhập như vậy thì thấu rõ tất cả pháp thoái chuyển, không thoái chuyển.

Này Tối Thắng! Bạc Đại sĩ không thoái chuyển muốn đầy đủ tất cả pháp, nên hiểu rõ vô thường, khổ, không, vô ngã, tuy biết hư tịch nhưng vì chúng sinh nên không thủ chứng. Bồ-tát tu hành thanh tịnh không nhiễm hữu vi, còn chúng sinh chẳng thấu rõ gốc rễ pháp hữu vi. Hiểu rõ mười hai nhân duyên và pháp hữu vi ấy, Bồ-tát làm người dẫn đường thông đạt vô vi. Tuy ở cảnh giới vô vi những Bồ-tát hành pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, không trụ vô vi mà thủ chứng nó. Biết rõ vô thường là pháp sinh diệt, tu hành công đức không có biếng nhác, quán nguồn gốc khổ của chúng sinh ấy thọ, chỉ dạy chúng sinh ấy tự tỉnh giác, quán sự diệt của các pháp không có tận cùng, quán thọ, ý, pháp không có xứ sở, quán vô sinh không thấy sinh, quán gánh nặng ấy của chúng sinh, quán hữu lậu, vô lậu, ba cõi bất diệt, hành bốn Tâm vô lượng, thương kẻ hậu học, giữ ý không nhiễm, không xả đạo Duyên giác của đệ tử.

Như vậy Tối Thắng! Bồ-tát ý chí thanh tịnh, sáng suốt, thị hiện theo sự ưa thích của người, thích hợp với chúng sinh làm cho được toại nguyện không có tổn giảm. Với tuệ công đức, tâm ý sáng suốt, Bồ-tát nhìn thấy sắc, thấu rõ tánh không, tu tập nhẫn nhục không khởi loạn tưởng. Nếu có người sân uế, mắng chửi, Bồ-tát chỉ niệm pháp ấy, hiểu rõ trong ngoài đều không, không có sở hữu, cũng không hoài nghi về sự giới hạn nói không, không thấy có mình và người. Vì sao? Vì bạc không thoái chuyển, vì người xin mà hoan hỷ cho họ. Giả sử có người xin đầu, Bồ-tát tâm rất vui cho, không trái với người, không có tham tiếc. Nếu xin vợ con thì liền đem cho, tâm không thay đổi. Chỉ giảng nói đạo Vô thượng chánh nhân, không ân cần khuyến tấn người làm Kim luân vương, Đế Thích, Phạm thiên. Nói pháp vi diệu cho hết thảy nhân sinh phát tâm học đạo Bồ-tát. Bằng thần thông, Bồ-tát dạo khắp mười phương gặp Phật, lễ bái cúng dường chư Phật Thế Tôn. Giả sử trong ba ngàn tam thiên đại thiên thế giới đầy ắp vật quý báu, Bồ-tát cũng không khích tâm tướng đắm nhiễm. Tất cả vật được nhìn thấy Bồ-tát cũng không nghĩ là của ta, tâm ý thanh tịnh chẳng cầu sắc tướng. Vì thân pháp chẳng thể thấy nên Bồ-tát thấy tất cả người như pháp giới trụ, sớm được đạo nhãn, thân tuệ đầy đủ. Nhờ được tuệ nhãn nên biết tất cả đều không có sở hữu, hiểu rõ pháp tánh chân tế-là như vậy, liền đợc Phật nhãn và mười tám pháp bản, pháp nhãn phân biệt, thông đạt vô

ngại, đầy đủ mười lực, gìn giữ đại nguyện liền đến cảnh giới vô vi bất tử. Tối Thắng nên biết, Bồ-tát tu hành theo Nhất thiết trí, tu tập trụ trước mà không trụ trước, hiểu rõ trụ này, trụ mà không trụ, học mà không học. Bồ-tát thường niệm pháp không tịch, tùy thuận các pháp mà không trái nghịch, không vì tùy thuận mà bình đẳng, không vì phản nghịch mà đọa nơi biên địa, không vì học theo tà đạo mà rơi vào cảnh giới ma, cũng không học theo Đại thừa cầu may. Vì sao? Vì chẳng bỏ pháp yếu kiên cố. Vì không có pháp nên không phạm sai trái, vì tự biết nên không có tạo tác, có thể chuyên tâm chế ngự năm ấm, khiến không luân hồi, vượt qua cõi ma, không thể che tâm Bồ-tát.

Khi ấy, Tối Thắng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát không thoái chuyển, trụ mà không trụ, học mà không học?

Phật bảo Tối Thắng:

–Này Tối Thắng! Bồ-tát trụ Địa thứ bảy ở trong ba cõi mà không nhiễm ba cõi cũng không có sở tập. Không tập học là nói về bên trong, không cầu tập là nói về bên ngoài. Tuy tập ở bên ngoài nhưng không theo đệ tử. Xem vô sở học cũng chẳng phải là Duyên giác. Tập nghĩa là tập học sinh tử, tập tu của Bồ-tát, là học vô tư, tập mà không tập, học mà không học. Tập là danh sắc, tập là nhân duyên, tập là ngã kiến, tập là ái nhiễm, tập là ngã sở cũng chẳng phải ngã sở, tập là tuy tham nhưng học tập bố thí, tập là tuy phạm giới nhưng học hộ trì giới, lại không vì trì giới mà cống cao. Tập cũng sân nhuế nhưng học tập nhẫn nhục, tập là biếng nhác nhưng học tập tinh tấn, tập là ý an loạn nhưng học tập nhất tâm, tập là vô minh nhưng học tập trí tuệ, tập tuy không có quả báo nhưng học tập công đức, tập là nghiệp thế tục nhưng học tập nói đạo tập là trói buộc nhưng học tập độ thoát. Như vậy tối thắng, Bồ-tát trụ Địa thứ bảy tập mà không tập, học mà không học, đạt được tuệ vô cực đối với tất cả pháp không thấy có được mất, cũng không có nhập cũng chẳng phải không nhập, chẳng thể dùng sắc để nhập, thọ, tưởng, hành thức cũng như vậy. Không từ số pháp mà đạt được hữu cực, cũng lại không từ số phi pháp mà đạt được vô cực, cầu Nhất thiết trí. Bồ-tát nên trụ trí như vậy. Không được nghĩ là có ta tạo tác, người hiểu như vậy là Nhất thiết trí. Bồ-tát muốn cầu Nhất thiết trí thì nên cầu từ bốn đại tạo sắc. Vì sao? Vì chấp thân nên chướng ngại, thọ sinh theo bốn loại. Người không chấp thân thì xa lìa ái dục. Bồ-tát trụ thì trụ với trí như vậy, vượt qua các cõi, trụ mà không trụ, không chấp có sinh nên không bị sinh. Nếu thấy sinh thì đó là phi sinh. Vì biết vô sinh nên gọi là tuệ vô sinh. Những người biết như vậy gọi là bậc Đại thừa vô hạng vô cực bình đẳng. Khi Phật nói lời này, mười hai ức trăm ngàn Thiên tử đều đắc Vô sinh pháp nhẫn, bảy vạn hai ngàn người đều phát tâm đạo Vô thượng bình đẳng.

Khi ấy từ trên các tòa Thanh văn tôn quý, trưởng lão Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, A-na-luật, Ly-việt, Nan-đâu-bà-la, Phân-nậu, Văn-đà-ni-phất, Không Tu-bồ-đề cả thấy năm trăm vị A-la-hán liền từ tòa đứng dậy, chỉnh lại y áo, quỳ gối phải chầm đất, đầu mặt lễ sát chân Phật, đồng thời cùng cất tiếng bi ai, nghẹn ngào, nước mắt, lấy tay chùi nước mắt, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chỗ thấy của chúng con hạn hẹp, đã hạn mất hạt giống Thánh, Phật đạo thâm thúy chẳng do tẩy rửa. Nếu có người nam, người nữ nào, thậm chí kẻ phạm phu ở trong ba đường ác muốn cầu đạo thì nên phát tâm tôn quý cầu thành Phật. Vì sao? Vì như Đức Phật ngày nay, đem trăm ngàn pháp nói cho chúng con chẳng thể thành Bồ-tát phát ý, các vị A-la-hán tự hối hận, nghĩ mình không bằng ai, nay tuy đắc

đạo xưng là La-hán, đầy đủ sáu thông, công đức thanh khiết, siêu việt ba cõi nhưng chẳng bằng người trăm ngàn vạn kiếp tạo tội ngũ nghịch, đọa xuống địa ngục vô trạch, mong chờ tội diệt, hết thời hạn còn có ngày ra, tiến tu cho đến diệt độ, phát tâm thành đạo Bồ-tát. Ngày nay căn của chúng con đã hoại, gặp thời mà không được lợi ích. Vì sao? Vì hạt giống Bồ-tát đã bị thiêu cháy như đồ đựng bị lũng chảy không thể chứa vật, chẳng thể thành đạo Bồ-tát. Các loài có hình như chim, thú, côn trùng, loài một chân, hai chân, cho đến trăm ngàn chân dựa vào đất mà sống, ăn đồ ngon ngọt, mặc áo mịn màng, đời sống của muôn thú lệ thuộc vào đất. Chúng ta tuy đắc đạo nhưng còn nuôi dưỡng bốn đại, vậy chúng ta và muôn thú có gì khác nhau? Các loài kia tuy tạp cấu nhưng dần dần sẽ thoát khỏi thân hình súc sinh, gieo trồng công đức không ngừng nghỉ, thành bậc Đại thừa, chư Thiên và muôn loại đều nhờ họ mà độ thoát. Còn chúng ta thật là thấp kém, chẳng bằng những vị ấy. Các vị A-la-hán đều buồn rầu, hối hận việc tu của mình. Khi ấy, một ngàn bảy trăm vị trong hội, trước đây tu pháp Thanh văn, Duyên giác nhưng chưa đi sâu vào đạo nên chuyển hướng phát tâm vô thượng kiên cố, liền ở trên tòa đắc được Vô sinh pháp nhãn diễn nói đại pháp lục độ, tuyên dương bốn Thánh đế khổ, tập, tấn, đạo, bốn ân, bốn vô lượng tâm, giáo huấn hết thảy chúng sinh khiến cho phát tâm đạo.

Khi ấy, Xá-lợi-phất nương oai thần của Phật, bảo khắp các vị Bồ-tát trong hội: Khi xưa ta ở địa vị phàm phu hoặc từ trụ thứ nhất tấn tu đến Trụ thứ năm, lại còn thối đọa trở lại sơ trụ. Lại từ sơ trụ tiến đến Trụ thứ năm hoặc thứ sáu, trải qua sáu mươi kiếp như vậy cuối cùng chẳng thể đạt được không thoái chuyển, liền khởi tâm hối tiếc. Nếu đem trì giới thanh tịnh thì sở nguyện chắc được như ý, không phạm những điều sai trái, dùng pháp trí tuệ soi sáng khắp nơi. Bồ-tát trụ được không thoái chuyển, không chấp vào sự bố thí hay không bố thí, cũng không thấy có giới nhân nhục, tinh tấn, nhất tâm trí tuệ, cũng lại không theo pháp của cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cũng lại không theo hành động của thân, khẩu, ý, đối với tất cả pháp đều không có nhiễm chấp, xem như huyễn, như hóa, như gợn nắng, như tiếng vang từ đầu đến cuối của sự bám trụ đều thanh tịnh, không có ngã, ngã sở, thọ mạng, dài ngắn, không thấy tên gọi đạo tục, phải trái, cũng không tự nghĩ ta đang mong cầu là đúng hay đang không mong cầu là đúng, không có tưởng buồn vui, không duyên, không tạo tác, không thấy có sinh, không thấy có sự thấy, cũng không thấy xứ sở. Người học như vậy là học không tham, sân, si, không tăng giảm, không đọa vào cõi ác, không có tâm thoái chuyển. Người muốn thành Phật thì phải tập tu như vậy, chẳng tạo tội cũng chẳng tạo phước, chẳng có giới cũng chẳng phải không có giới, chẳng có tướng, các pháp bình đẳng không có sai khác. Khi Xá-lợi-phất nói những lời này, thì có vô số trăm ngàn chúng sinh đều phát tâm đạo Vô thượng Chánh chân.

Khi ấy, Tối Thắng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! sao nói tất cả các pháp là như huyễn, như hóa, như gợn nắng?

Phật bảo Tối Thắng:

–Này Tối Thắng! Ví như vật được hòa hiện, chẳng có đến cũng chẳng có đi, không có xứ sở nên hiểu các pháp cũng lại như vậy, không từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu, tánh nó trụ như vậy không có biến đổi, cũng không có ai tạo tác các pháp. Thân Như Lai có hai: Một là thân biến hóa, hai là thân pháp. Thân pháp thì không thể thấy cũng không có hình tướng. Thân biến hóa thì như hư không, vô hình.

Này Tối Thắng! Với bản hạnh tu tập của bậc không thoái chuyển thì có thể làm Sư

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tử rống giữa đại chúng hành pháp không tuệ không ai bì kịp, luôn tập thuần thực các pháp thanh tịnh vô cùng thâm diệu chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể đong lường. Như vậy Tối Thắng bậc Đại sĩ không thoái chuyển ở trong trụ Địa thứ bảy nên thanh tịnh hạnh mình như thế.

